

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 09-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(hội)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quang Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự (hội)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lìu Và D (tên gọi khác là K), sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp H1, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp H1, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp H1, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt. Người làm chứng xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lìu Và D trình bày:

Bà D với bà T ở cùng ấp H1, xã A. Bà T có tham gia chơi 02 dây hội do bà Lìu Và D (tên gọi khác là K) làm chủ, cụ thể:

+ Dây hội mở ngày 30/5/2015, hội 2.000.000 đồng/tháng, có 24 người tham gia, bà T chơi 01 phần (chân hội). Bà D có giao cho các hội viên tờ giấy có danh sách các hội viên để các hội viên tự theo dõi việc đóng, hốt hội; tờ giấy này thay cho sổ theo dõi hội. Khi khai hội thì có tập hợp các thành viên trong dây hội có mặt (trừ các thành viên đi làm công ty thì không có mặt được nhưng được bà D thông báo qua điện thoại). Dây hội này chỉ khai hội từ tháng 05 đến tháng 12 (một năm chỉ khai 08 tháng) vì các tháng còn lại cao su không cạo nên hội úp không khai. Ngày 08/11/2016, bà T hốt hội với số tiền là 38.900.000 đồng. Bà D có làm giấy giao hội ngày 08/11/2016 số tiền 38.900.000 đồng và bà T có ký tên xác nhận. Sau khi hốt hội, bà T không đóng tiền hội chết của 05 kỳ hội tiếp theo (30/12/2016, 30/5/2017, 30/6/2017, 30/7/2017, 30/8/2017) với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Đến kỳ hội ngày 30/9/2017, bà T đóng được cho bà D số tiền 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, 03 kỳ hội cuối (30/10/2017, 30/11/2017, 30/12/2017) bà T tiếp tục không đóng tiền hội chết với tổng số tiền 6.000.000 đồng. Hội đã mãn vào tháng 12/2017. Như vậy, tổng số tiền hội chết bà T còn thiếu của bà D của dây hội này là 17.000.000 đồng.

+ Dây hội mở ngày 10/6/2016, hội 2.000.000 đồng/tháng, có 16 người tham gia, bà T chơi 02 phần (chân hội). Bà D có giao cho các hội viên tờ giấy có danh sách các hội viên để các hội viên tự theo dõi việc đóng, hốt hội; tờ giấy này thay cho sổ theo dõi hội. Khi khai hội thì có tập hợp các thành viên trong dây hội có mặt (trừ các thành viên đi làm công ty thì không có mặt được nhưng được bà D thông báo qua điện thoại). Dây hội này chỉ khai hội từ tháng 05 đến tháng 12 (một năm chỉ khai 08 tháng) vì các tháng còn lại cao su không cạo nên hội úp không khai. Ngày 10/8/2016, bà T hốt chân hội thứ nhất được số tiền 21.270.000 đồng. Sau khi hốt hội bà T đóng được 02 kỳ hội chết (09/2016, 10/2016) với số tiền là 4.000.000 đồng. Đến ngày 16/11/2016, bà T tiếp tục hốt hội với số tiền là 23.700.000 đồng. Bà D có làm giấy giao hội ngày 16/11/2016 số tiền 23.700.000 đồng và bà T có ký tên xác nhận. Do bà T tham gia 02 phần hội và đã hốt hội nên từ tháng 12/2016 cho đến khi mãn hội, mỗi tháng bà T phải đóng 4.000.000 đồng tiền hội chết cho bà D. Từ tháng 05/2017 đến tháng 09/2017, bà T đóng tiền hội chết cho bà D được 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017, bà T chỉ đóng hàng tháng 2.000.000 đồng tiền hội chết và còn thiếu bà D 6.000.000 đồng tiền hội chết. Hội đã mãn tháng 12/2017. Như vậy, tổng số tiền hội chết bà T còn thiếu của bà D của dây hội này là 6.000.000 đồng.

Do bà D yêu cầu bà T nhiều lần nhưng bà T không trả nên bà D khởi kiện ra Tòa yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền hội còn nợ của hai dây hội là 23.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn gồm: Giấy giao hội đề ngày 16/11/2016, 08/11/2016, 16/8/2016 cho bà Nguyễn Thị T (đã đối chiếu bản gốc); danh sách hội viên hội mở ngày 30/5/2015, danh sách hội viên hội mở ngày 10/6/2016, giấy theo dõi hốt hội mở ngày 30/5/2015, giấy theo dõi hốt hội mở ngày 10/6/2016 (đã đối chiếu bản gốc); các giấy giao hội cho bà Phân, bà Vũ Thị T, bà Bùi Thị L, bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Trịnh Văn S, ông T1, bà Tùng L1 (đã đối chiếu bản gốc); bản tự khai, bản tự khai bổ sung của nguyên đơn (bản gốc); bản tường trình của ông Nguyễn Văn T1, bà Bùi Thị Kim T2, bà Vũ Thị T, ông Châu Ngọc Đ (bản gốc).

Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến gì thêm.

- Quá trình tham gia tổ tụng và tại phiên toà, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thống nhất có tham gia chơi 02 dây hội do bà Lìu Và D làm chủ, cụ thể:

+ Dây hội mở ngày 30/5/2015, hội 2.000.000 đồng/tháng, có 24 người tham gia, bà T chơi 01 phần (chân hội). Bà D có giao cho bà T tờ giấy theo dõi hội có danh sách các hội viên. Dây hội này chỉ khai hội từ tháng 05 đến tháng 12 (một năm chỉ khai 08 tháng) vì các tháng còn lại cao su không cạo nên hội úp không khai. Ngày 08/11/2016, bà T hốt hội với số tiền là 38.900.000 đồng. Bà D có làm giấy giao hội ngày 08/11/2016 số tiền 38.900.000 đồng và bà T có ký tên xác nhận. Hội đã mãn vào tháng 12/2017. Sau khi hốt hội, bà T đã đóng hết hội chết cho bà D, không còn nợ tiền hội của dây hội này như bà D yêu cầu. Khi đến kỳ đóng hội thì bà T đến nhà bà D để đóng tiền hội cho bà D hoặc bà D đến nhà bà T thu tiền hội. Bà T đóng hội cho bà D nhưng không thực hiện việc tự theo dõi, khi kết thúc hội cũng không yêu cầu bà D xác nhận nên bà T không có chứng cứ chứng minh (các thành viên khác cũng tương tự).

+ Dây hội mở ngày 10/6/2016, hội 2.000.000 đồng/tháng, có 16 người tham gia, bà T chơi 02 phần (chân hội). Bà D có giao cho bà T tờ giấy theo dõi hội có danh sách các hội viên. Dây hội này chỉ khai hội từ tháng 05 đến tháng 12 (một năm chỉ khai 08 tháng) vì các tháng còn lại cao su không cạo nên hội úp không khai. Ngày 16/11/2016, bà T hốt hội với số tiền là 23.700.000 đồng. Bà D có làm giấy giao hội ngày 16/11/2016 số tiền 23.700.000 đồng và bà T có ký tên xác nhận. Hội đã mãn vào tháng 12/2017. Sau khi hốt hội, bà T đã đóng hết hội chết cho bà D, không còn nợ tiền hội của dây hội này như bà D yêu cầu. Khi đến kỳ đóng hội thì bà T đến nhà bà D để đóng tiền hội cho bà D hoặc bà D đến nhà bà T thu tiền hội. Bà T đóng hội cho bà D nhưng không có người làm chứng, không thực hiện việc tự theo dõi, khi kết thúc hội cũng không yêu cầu bà D xác nhận nên bà T không có chứng cứ chứng minh (các thành viên khác cũng tương tự).

Bà T không đồng ý đối với yêu cầu của bà D buộc bà T phải thanh toán số tiền hội còn nợ là 23.000.000 đồng vì bà T đã đóng hết hội chết, không còn nợ

hội của bà D. Bà T yêu cầu bà D phải chứng minh việc bà T thiếu tiền không đóng hội bằng giấy nợ hội, còn không thì bà T không đồng ý.

Chứng cứ bị đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến của bị đơn: Giấy chứng thực của bà Bùi Thị Liên, Nguyễn Thị H, Đỗ Thị Thuý Linh, Lê Thị Thanh Hậu.

Ngoài ra, bị đơn không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến gì thêm.

- Quá trình tham gia tổ tụng và theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt người làm chứng trình bày:

+ Bà Nguyễn Thị H: Bà H có tham gia chơi dây hội do bà D làm chủ hội mở ngày 10/6/2016, hội 2 triệu đồng/tháng, có 16 người chơi, bà H tham gia chơi một phần tên “H”. Hiện nay, bà H đã đóng xong hội và hội đã mãn. Khi hốt hội thì bà D có giao giấy hội cho bà H ký tên, còn khi đóng hội xong thì do tin tưởng bà H cũng không làm giấy tờ gì ghi nhận đã đóng hội xong cho bà D. Việc bà T đã đóng hội xong cho bà D hay chưa thì bà H không chứng kiến nên không nắm được.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng N: Bà N có tham gia chơi dây hội do bà D làm chủ hội mở ngày 30/5/2015, hội 2 triệu đồng/tháng, có 24 người chơi, bà N tham gia chơi hai phần, tên ghi trong giấy hội là “chị 6”. Hiện nay, bà N đã đóng xong hội và hội đã mãn. Khi hốt hội thì bà D có giao giấy hội cho bà N ký tên, khi đóng hội xong thì bà D có mang sổ đến cho bà N ký xác nhận đã đóng hội xong cho bà D. Việc bà T đã đóng hội xong cho bà D hay chưa thì bà N không chứng kiến, không nắm được.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà D khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự (hội) với bị đơn bà Nguyễn Thị T, bị đơn bà T hiện có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại ấp H1, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T phải trả số tiền hội chưa đóng cho bà D của hai dây hội là 23.000.000 đồng, cụ thể:

+ Dây hội mở ngày 30/5/2015, hội 2.000.000 đồng/tháng, có 24 người tham gia, bà T chơi 01 phần (chân hội). Dây hội này chỉ khai hội từ tháng 05 đến tháng 12 (một năm chỉ khai 08 tháng) vì các tháng còn lại cao su không cao nên hội úp không khai. Ngày 08/11/2016, bà T hốt hội với số tiền là 38.900.000 đồng. Bà D có làm giấy giao hội ngày 08/11/2016 số tiền 38.900.000 đồng và bà T có ký tên xác nhận. Hội đã mãn vào tháng 12/2017.

+ Dây hội mở ngày 10/6/2016, hội 2.000.000 đồng/tháng, có 16 người tham gia, bà T chơi 02 phần (chân hội). Dây hội này chỉ khai hội từ tháng 05 đến tháng 12 (một năm chỉ khai 08 tháng) vì các tháng còn lại cao su không cao nên hội úp không khai. Ngày 10/8/2016, bà T hốt chân hội thứ nhất được số tiền 21.270.000 đồng. Đến ngày 16/11/2016, bà T tiếp tục hốt chân hội thứ hai với số tiền là 23.700.000 đồng. Bà D có làm giấy giao hội ngày 16/8/2016 số tiền 21.270.000 đồng, ngày 16/11/2016 số tiền 23.700.000 đồng và bà T có ký tên xác nhận. Hội đã mãn tháng 12/2017.

[2.2] Bị đơn bà T thừa nhận có tham gia hai dây hội nêu trên, đã hốt hội và ký nhận hội ngày 16/8/2016, 08/11/2016 và 16/11/2016 theo giấy giao hội do nguyên đơn cung cấp. Đây là tình tiết được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Hợp đồng dân sự (hội) giữa nguyên đơn bà D (chủ hội) với bị đơn bà T (hội viên) được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Nguyên đơn đã thực hiện việc giao tiền hội cho bị đơn theo các giấy giao hội được các bên thừa nhận. Bị đơn sau khi nhận tiền hốt hội phải có trách nhiệm đóng tiền hội chết hàng tháng cho nguyên đơn đến khi hội mãn.

[2.4] Nguyên đơn bà D xác định bị đơn sau khi hốt hội xong còn nợ tiền hội chết của 02 dây hội là 23.000.000 đồng căn cứ vào giấy giao hội, quá trình theo dõi việc đóng hội các hội viên của nguyên đơn và việc các hội viên đóng xong hội chết cho nguyên đơn sẽ yêu cầu nguyên đơn xác nhận việc đóng xong hội vào giấy giao hội. Bị đơn bà T cho rằng đã đóng hết tiền hội cho nguyên đơn bà D nhưng thừa nhận không có người làm chứng, không có chứng cứ chứng minh, các hội viên khác cũng không biết. Bà T cho rằng bà và tất cả các hội viên khác đều không có các giấy tờ hay chứng cứ ghi nhận đã đóng xong hội cho nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các giấy tờ nguyên đơn cung cấp, cũng như qua lời trình bày của người làm chứng thì nguyên đơn có xác nhận cho những hội viên đã đóng xong hội chết, trừ một số trường hợp chưa xác nhận trong đó có bà T. Ý kiến của bị đơn là không phù hợp với chứng cứ và các tình tiết của

vụ án. Như vậy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hui còn nợ là 23.000.000 đồng.

[3] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lìu Và D (tên gọi khác là K) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (hui)”.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Lìu Và D (tên gọi khác là K) số tiền hui còn nợ là 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lìu Và D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Lìu Và D số tiền 575.000 đồng (năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012762 ngày 02 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (09/4/2019).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Tuyên